

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp
Sài Gòn**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết
thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thông tin về Công ty

Quyết định số 3448/QĐ-UB ngày 9 tháng 7 năm 2004
3449/QĐ-UB ngày 9 tháng 7 năm 2004

Các quyết định này do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy phép Kinh doanh 4103002955 ngày 15 tháng 12 năm 2004

Giấy phép kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là bởi giấy phép kinh doanh số 0301154821 ngày 26 tháng 1 năm 2015. Giấy phép kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Bình Minh	Chủ tịch
Ông Mai Việt Hà	Thành viên
Bà Nguyễn Việt Hòa	Thành viên
Ông Đoàn Văn Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Công Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Trọng	Thành viên
Ông Lương Quang Hiền	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Mai Việt Hà	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thu Nga	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Công Bình	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Như Ánh	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thái Hòa	Thành viên
Bà Phan Phương Nga	Thành viên
	(từ ngày 31 tháng 3 năm 2017)
Ông Trần Huy Dũng	Thành viên
	(đến ngày 31 tháng 3 năm 2017)

Trụ sở đăng ký 68 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 57 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng này.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Mai Việt Hà
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán trước hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 57.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-01-330

CÔNG TY TNHH

KPMG

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Auvarin Phor

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2252-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2018

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		218.668.950.758	232.106.401.111
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	49.715.957.806	82.842.795.400
Tiền	111		13.698.624.473	12.842.795.400
Các khoản tương đương tiền	112		36.017.333.333	70.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6(a)	31.672.861.312	36.692.393.312
Chứng khoán kinh doanh	121		50.842.861.312	51.867.861.312
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(19.170.000.000)	(15.175.468.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		42.401.060.175	37.626.782.380
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	13.815.420.637	14.479.113.508
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		499.583.500	442.795.900
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	14.000.000.000	8.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	14.086.056.038	14.704.872.972
Hàng tồn kho	140	10	92.708.707.771	71.473.523.211
Hàng tồn kho	141		92.708.707.771	93.449.097.872
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(21.975.574.661)
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.170.363.694	3.470.906.808
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		9.023.259	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.161.340.435	3.470.906.808

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		1.047.566.995.519	791.791.695.082
Các khoản phải thu dài hạn	210		143.276.418.915	118.872.852.815
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	143.276.418.915	118.872.852.815
Tài sản cố định	220		2.430.618.030	3.319.887.455
Tài sản cố định hữu hình	221	11	2.296.774.497	3.104.906.478
Nguyên giá	222		9.982.586.488	10.473.747.521
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.685.811.991)	(7.368.841.043)
Tài sản cố định vô hình	227	12	133.843.533	214.980.977
Nguyên giá	228		836.870.000	785.870.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(703.026.467)	(570.889.023)
Bất động sản đầu tư	230	13	125.229.716.599	55.162.471.725
Nguyên giá	231		164.521.792.920	90.766.309.368
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(39.292.076.321)	(35.603.837.643)
Tài sản dở dang dài hạn	240		263.526.949.254	37.548.224.793
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	263.526.949.254	37.548.224.793
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6(b)	510.668.084.082	574.036.182.542
Đầu tư vào công ty con	251		341.327.031.814	472.732.771.814
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		192.251.178.945	117.548.709.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(22.910.126.677)	(16.245.298.272)
Tài sản dài hạn khác	260		2.435.208.639	2.852.075.752
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	33(a)	2.435.208.639	2.852.075.752
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.266.235.946.277	1.023.898.096.193

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		556.649.920.835	336.672.669.346
Nợ ngắn hạn	310		516.038.455.417	280.055.430.012
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	324.093.650	2.286.479.017
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	17.147.958.448	16.150.978.603
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	5.992.222.416	23.060.548.459
Phải trả người lao động	314		6.290.279.314	11.897.044.002
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	16.996.190.905	10.320.632.946
Phải trả ngắn hạn khác	319	19(a)	432.160.646.871	163.593.123.722
Vay ngắn hạn	320	20	29.000.000.000	36.907.195.770
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	8.127.063.813	15.839.427.493
Nợ dài hạn	330		40.611.465.418	56.617.239.334
Phải trả dài hạn khác	337	19(b)	40.611.465.418	56.617.239.334
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		709.586.025.442	687.225.426.847
Vốn chủ sở hữu	410	22	709.586.025.442	687.225.426.847
Vốn cổ phần	411	23	249.955.730.000	249.955.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		317.064.858.303	317.064.858.303
Cổ phiếu quỹ	415	23	(690.474.358)	(690.474.358)
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	24.938.303.806	24.938.303.806
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		118.317.607.691	95.957.009.096
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.266.235.946.277	1.023.898.096.193

Ngày 20 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Việt Hà
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	154.196.983.367	238.314.692.275
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	(74.127.499.128)	(148.585.665.489)
Lợi nhuận gộp (20 = 01 + 11)	20		80.069.484.239	89.729.026.786
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	37.867.103.714	36.835.924.388
Chi phí tài chính	22	30	(22.690.271.718)	(13.711.838.587)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>(3.628.791.313)</i>	<i>(2.872.351.126)</i>
Chi phí bán hàng	25		(2.459.828.995)	(2.498.505.011)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	(36.134.028.544)	(34.170.433.551)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 25 + 26)	30		56.652.458.696	76.184.174.025
Thu nhập khác	31		759.773.591	364.329.817
Chi phí khác	32		(5.846.008)	(1.447.752.940)
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 + 32)	40		753.927.583	(1.083.423.123)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		57.406.386.279	75.100.750.902
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33(b)	(4.031.224.651)	(10.450.557.983)
(Chi phí)/lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	33(b)	(416.867.113)	948.085.753
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 + 51 + 52)	60		52.958.294.515	65.598.278.672

Ngày 20 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Việt Hà
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		57.406.386.279	75.100.750.902
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		4.668.108.103	7.000.463.333
Các khoản dự phòng	03		(11.316.214.256)	8.750.715.564
Lỗ do thanh lý đầu tư vào công ty con và công ty liên kết	05		8.400.000.000	132.626.104
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(100.000.000)	-
Lỗ do xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang	05		-	813.904.721
Lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư	05		-	1.012.959.933
Thu nhập cổ tức và lãi tiền gửi	05		(37.832.103.714)	(35.583.623.744)
Chi phí lãi vay	06		3.628.791.313	2.872.351.126
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		24.854.967.725	60.100.147.939
Biến động các khoản phải thu	09		(24.222.631.847)	(76.847.556.568)
Biến động hàng tồn kho	10		58.283.728.524	62.970.156.650
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		224.701.945.918	17.561.404.381
Biến động chi phí trả trước	12		(9.023.259)	-
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		1.025.000.000	3.138.625.600
			284.633.987.061	66.922.778.002
Tiền lãi vay đã trả	14		(3.633.440.975)	(3.681.108.756)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.089.549.940)	(11.859.877.327)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.941.205.485)	(5.854.376.445)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		265.969.790.661	45.527.415.474

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(313.612.662.884)	(30.226.830.536)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		100.000.000	-
Tiền chi cho vay	23		(50.577.878.732)	(23.425.064.000)
Tiền thu hồi cho vay	24		34.577.878.732	87.700.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(44.296.729.945)	(56.792.296.677)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào công ty con	26		74.600.000.000	12.000.000.000
Tiền thu cổ tức và lãi tiền gửi	27		37.988.212.324	38.330.562.356
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(261.221.180.505)	27.586.371.143
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		30.689.432.822	39.644.966.900
Tiền trả nợ gốc vay	34		(38.596.628.592)	(54.161.569.441)
Tiền trả cổ tức	36		(29.968.251.980)	(35.388.381.090)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(37.875.447.750)	(49.904.983.631)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(33.126.837.594)	23.208.802.986
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		82.842.795.400	59.633.992.414
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	5	49.715.957.806	82.842.795.400

Ngày 20 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Việt Hà
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 3448/QĐ-UB do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2004 và được điều chỉnh theo Quyết định số 3449/QĐ-UB cấp cùng ngày.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ và thương mại: kinh doanh, phân phối, sửa chữa và bảo trì xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng; kinh doanh trang sức, vật liệu xây dựng; cung cấp dịch vụ bar và khách sạn;
- Bất động sản: kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất; cho thuê nhà kho, văn phòng, trung tâm thương mại; đầu tư, phát triển các dự án bất động sản theo định hướng kinh doanh cao ốc văn phòng, căn hộ, các khu biệt thự và khu nghỉ dưỡng cao cấp; và
- Dịch vụ tài chính: đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và vào cổ phiếu của các đơn vị khác hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ, bất động sản và cơ sở hạ tầng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 86 nhân viên (ngày 1 tháng 1 năm 2017: 84 nhân viên).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 13 công ty con và 7 công ty liên kết (ngày 1 tháng 1 năm 2017: 14 công ty con và 6 công ty liên kết) chi tiết như sau:

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***Các công ty con**

Số	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỉ lệ lợi ích kinh tế tại ngày	
				31/12/2017	1/1/2017
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô (SAIGON FORD)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	61A Cao Thắng, Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	52,05%	52,05%
2	Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng (TGP)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	807 Giải Phóng, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	51%	51%
3	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn (YAMAHA Cần Thơ)	Kinh doanh xe gắn máy mang nhãn hiệu YAMAHA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	164 – 166C, Đường 3/2, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	88,12%	88,12%
4	Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	Kinh doanh xe ô tô và xe gắn máy mang nhãn hiệu SUZUKI, HONDA và VEAM và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	510 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	59,62%	59,62%
5	Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Điều hành trung tâm thương mại, dịch vụ khách sạn; xây dựng dân sự, dự án công nghiệp; đại lý thương mại và ủy thác; hoạt động xuất nhập khẩu; kinh doanh phương tiện vận tải và bảo trì xe ô tô; cho thuê máy; dịch vụ vận chuyển và đậu xe.	7-9 Nguyễn Văn Linh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	70%	70%

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Số	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại ngày	
				31/12/2017	1/1/2017
6	Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	K2-0, Võ Nguyên Giáp, Khu vực Thanh Thuận, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	51%	51%
7	Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng	Kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng và nhà xưởng; tư vấn, môi giới bất động sản; kinh doanh xe ô tô, xe có động cơ khác và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa; cung cấp dịch vụ vận chuyển.	66 Võ Văn Tần, Phường Chính Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	70%	70%
8	Công ty Cổ phần OtoS (otos.vn) (*)	Cung cấp dịch vụ thương mại điện tử; dịch vụ quảng cáo; kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa; cung cấp phần mềm và các dịch vụ liên quan đến công nghệ thông tin.	68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	80,33%	77,07%
9	Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	Kinh doanh bất động sản; cung cấp dịch vụ khách sạn và du lịch; điều hành dịch vụ nhà hàng, cung cấp thực phẩm và thức uống; cung cấp dịch vụ vận tải và xây dựng dân sự.	Bãi Trẹm, Hoàng Sa, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	98%	98%

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Số	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại ngày	
				31/12/2017	1/1/2017
10	Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long	Kinh doanh ô tô mang nhãn hiệu GM và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và vận tải.	274 Đường 30/4, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	84,17%	84,17%
11	Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	Kinh doanh xe ô tô tải mang nhãn hiệu FUSO và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và vận tải.	43/7A ấp Xuân Thới Đông 2, xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	80%	80%
12	Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh	Kinh doanh xe ô tô tải mang nhãn hiệu HINO và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và vận tải.	5/5 Khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	90%	90%
13	Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu HONDA và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và vận tải.	Lô E1-1, Đường Võ Nguyên Giáp, Khu vực Thạnh Lợi, Phường Phú Thù, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	51%	93%
14	Công ty Cổ phần Đầu tư Savico (**)	Kinh doanh bất động sản; tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản; cung cấp các dịch vụ về nghiên cứu thị trường và thăm dò dự luận; cung cấp dịch vụ tư vấn kiến trúc và kỹ thuật có liên quan; thiết kế và xây dựng công trình dân dụng; kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa; cung cấp dịch vụ giáo dục mầm non.	66-68 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	-	99,50%

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các công ty liên kết

Số	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại ngày	
				31/12/2017	1/1/2017
1	Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi	Cung cấp dịch vụ vận tải và bảo trì.	384A Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	40,03%	40,03%
2	Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	507 Xa lộ Hà Nội, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	30,03%	35,16%
3	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Lô C13, Hùng Vương, Khu Liên Hợp, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	27,50%	27,50%
4	Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu HYUNDAI và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và vận tải.	91 Cách Mạng Tháng Tám, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	43,80%	43,80%
5	Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt (***)	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì, đại lý bảo hiểm phi nhân thọ.	188 Lê Trọng Tấn, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	35%	20%
6	Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu VOLVO và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	340A Nguyễn Văn Linh, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	32%	32%

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Số	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại ngày	
				31/12/2017	1/1/2017
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Savico (**)	Kinh doanh bất động sản; tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản; cung cấp các dịch vụ về nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; cung cấp dịch vụ tư vấn kiến trúc và kỹ thuật có liên quan; thiết kế và xây dựng công trình dân dụng; kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa; cung cấp dịch vụ giáo dục mầm non.	66-68 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	40,00%	-

(*) Trong năm, Công ty đã mua thêm 3,26% cổ phần của một công ty con – Công ty Cổ phần OtoS với giá 2.064 triệu VND và tăng tỷ lệ lợi ích kinh tế từ 77,07% lên 80,33%.

(**) Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng 60% cổ phần trong Công ty Cổ phần Đầu tư Savico cho Công ty Cổ phần Đầu tư Nguyễn Nguyễn Group, một bên thứ ba và không còn nắm giữ quyền kiểm soát, nhưng vẫn có ảnh hưởng đáng kể đối với khoản đầu tư này. Khoản đầu tư được phân loại lại sang đầu tư vào công ty liên kết kể từ thời điểm chuyển nhượng.

(***) Trong năm, Công ty đã mua thêm 15% cổ phần của một công ty liên kết – Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt với giá 4.925 triệu VND và tăng tỷ lệ lợi ích kinh tế từ 20% lên 35%.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi lần lượt sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

(iii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iv) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh đối với bất động sản và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại gồm chi phí quyền sử dụng đất, cải tạo đất và chi phí xây dựng. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho, trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa | 6 – 42 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 – 10 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 năm |

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

(h) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khấu hao

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- quyền sử dụng đất 18 – 50 năm
- nhà cửa 5 – 36 năm

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Các dự án đang được xây dựng và phát triển cho mục đích sử dụng hỗn hợp trong tương lai như tài sản cố định, bất động sản đầu tư và tài sản để bán (hàng tồn kho) được phân loại là xây dựng cơ bản dở dang và được thể hiện theo nguyên giá, cho đến khi việc xây dựng hoặc phát triển được hoàn thành hoặc nguyên giá được xác định một cách đáng tin cậy cho các tài sản này, tại thời điểm đó chúng được phân loại và sau đó được ghi nhận là tài sản cố định, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho, được thể hiện trong các thuyết minh tương ứng.

Tất cả các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua và phát triển một dự án, chi phí phát sinh từ quyền sử dụng đất đi thuê, và tất cả chi phí vốn sau đó cho việc phát triển đủ điều kiện là chi phí mua được vốn hóa.

Chi phí vay được vốn hóa nếu liên quan trực tiếp đến việc mua, xây dựng hay sản xuất một tài sản đủ điều kiện vốn hóa. Việc vốn hóa chi phí vay bắt đầu khi các hoạt động cần thiết trong việc chuẩn bị tài sản đang được tiến hành và các chi phí cho việc đầu tư xây dựng và chi phí vay bắt đầu phát sinh. Việc vốn hóa chi phí vay sẽ chấm dứt khi tài sản hầu như đã trong trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc vốn hóa bị tạm ngưng khi việc xây dựng hay sản xuất tài sản đủ điều kiện vốn hóa bị tạm ngưng. Tỷ lệ vốn hóa được tính bằng cách tham chiếu đến lãi suất thực tế phải trả trên các khoản vay cho mục đích phát triển, hoặc phần của chi phí phát triển được tài trợ bởi khoản vay chung, được phân bổ dựa trên lãi suất trung bình.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần tiền nhận được cao hơn mệnh giá của cổ phiếu phát hành được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ riêng của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp cho thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập mỗi năm từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Doanh thu

(i) Doanh thu kinh doanh bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng nền đất và bán nhà theo mẫu thiết kế sẵn không theo yêu cầu riêng của từng khách hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm muộn hơn giữa thời điểm bán hoặc thời điểm hoàn thành bất động sản.

(ii) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(iii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê hoặc khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng tài sản bị trả lại. Các khoản ưu đãi cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(p) Doanh thu hoạt động tài chính

(i) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn những rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển sang cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành thỏa thuận chuyển giao của tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(iii) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(t) Các bên liên quan

Các cổ đông, doanh nghiệp và cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***4. Báo cáo bộ phận**

Cho năm:

	Dịch vụ thương mại		Dịch vụ bất động sản		Dịch vụ tài chính		Tổng cộng	
	2017	2016	2017	2016	2017	2016	2017	2016
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bộ phận	22.755.443.868	23.495.783.425	131.441.539.499	214.818.908.850	-	-	154.196.983.367	238.314.692.275
Thu nhập khác của bộ phận	34.965.948.005	28.013.240.929	-	4.566.041.944	3.660.929.300	4.280.641.515	38.626.877.305	36.859.924.388
Giá vốn trực tiếp của bộ phận	(12.268.826.587)	(12.719.113.845)	(61.858.672.541)	(135.866.551.644)	-	-	(74.127.499.128)	(148.585.665.489)
Chi phí khác trực tiếp của bộ phận	(37.278.048.105)	(25.049.346.465)	(22.581.853.231)	(22.469.989.582)	(1.430.073.930)	(3.449.741.102)	(61.289.975.265)	(50.969.077.149)
Lợi nhuận của bộ phận kinh doanh trong năm	8.174.517.181	13.740.564.044	47.001.013.727	61.048.409.568	2.230.855.370	830.900.413	57.406.386.279	75.619.874.025
Doanh thu không phân bổ							-	340.329.817
Chi phí không phân bổ							-	(859.452.940)
Thuế thu nhập							(4.448.091.764)	(9.502.472.230)
							52.958.294.515	65.598.278.672

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Dịch vụ thương mại		Dịch vụ bất động sản		Dịch vụ tài chính		Tổng cộng	
	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản								
Tài sản ngắn hạn	21.835.851.287	15.940.388.147	165.103.157.593	179.261.744.880	31.729.941.877	36.904.268.084	218.668.950.758	232.106.401.111
Tài sản dài hạn	325.163.615.610	340.125.521.998	718.783.301.245	447.077.469.101	1.184.870.025	1.736.628.231	1.045.131.786.880	788.939.619.330
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	2.435.208.639	2.852.075.752
	346.999.466.897	356.065.910.145	883.886.458.838	626.339.213.981	32.914.811.902	38.640.896.315	1.266.235.946.277	1.023.898.096.193
Nợ phải trả								
Nợ ngắn hạn	21.639.165.183	45.759.202.635	492.469.449.459	222.261.272.000	1.929.840.775	12.034.955.377	516.038.455.417	280.055.430.012
Nợ dài hạn	4.828.088.522	11.280.149.140	35.352.794.568	44.111.905.152	430.582.328	1.225.185.042	40.611.465.418	56.617.239.334
	26.467.253.705	57.039.351.775	527.822.244.027	266.373.177.152	2.360.423.102	13.260.140.419	556.649.920.835	336.672.669.346
Cho năm:								
	Dịch vụ thương mại 2017 VND	2016 VND	Dịch vụ bất động sản 2017 VND	2016 VND	Dịch vụ tài chính 2017 VND	2016 VND	Tổng cộng 2017 VND	2016 VND
Khấu hao và phân bổ	979.869.425	1.619.773.578	3.688.238.678	5.380.689.755	-	-	4.668.108.103	7.000.463.333
Các khoản dự phòng	-	-	(21.975.574.661)	(1.830.507.240)	10.659.360.405	10.581.222.804	(11.316.214.256)	8.750.715.564
Chi tiêu vốn	90.600.000	117.551.818	357.277.546.436	30.109.278.718	-	-	357.368.146.436	30.226.830.536

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	698.809.273	757.716.530
Tiền gửi ngân hàng	12.999.815.200	12.085.078.870
Các khoản tương đương tiền	36.017.333.333	70.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	49.715.957.806	82.842.795.400
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Các khoản đầu tư

(a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2017			Dự phòng giảm giá VND	1/1/2017			Dự phòng giảm giá VND
	Số lượng	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND		Số lượng	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	
Đầu tư tài chính ngắn hạn vào:								
Cổ phiếu niêm yết								
• Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Bến Thành	9	162.572	162.572	-	9	162.572	162.572	-
• Công ty Cổ phần Việt Thái	650.760	8.042.676.000	8.042.676.000	-	650.760	8.042.676.000	7.028.208.000	(1.014.468.000)
• Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên	3	22.740	22.740	-	3	22.740	22.740	-
• Công ty Cổ phần TASC0	-	-	-	-	80.000	1.025.000.000	904.000.000	(121.000.000)
Cổ phiếu chưa niêm yết								
• Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Thái Bình Dương	500.000	14.000.000.000	(*)	(9.000.000.000)	500.000	14.000.000.000	(*)	(9.000.000.000)
• Công ty Cổ phần Bến Thành Non Nước	900.000	9.000.000.000	(*)	-	900.000	9.000.000.000	(*)	-
• Công ty Bảo hiểm Toàn Cầu	180.000	6.300.000.000	(*)	(5.040.000.000)	180.000	6.300.000.000	(*)	(5.040.000.000)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Tổng hợp Điện Lực Thành phố Hồ Chí Minh	1.350.000	13.500.000.000	(*)	(5.130.000.000)	1.350.000	13.500.000.000	(*)	-
		50.842.861.312		(19.170.000.000)		51.867.861.312		(15.175.468.000)
		50.842.861.312		(19.170.000.000)		51.867.861.312		(15.175.468.000)

(*) Tại ngày báo cáo tài chính, không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Số dư đầu năm	15.175.468.000	15.845.846.319
Tăng dự phòng trong năm	5.130.000.000	1.524.948.000
Dự phòng sử dụng trong năm	-	(591.600.000)
Hoàn nhập	(1.135.468.000)	(1.603.726.319)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	19.170.000.000	15.175.468.000

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Ngày 31 tháng 12 năm 2017	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư góp vốn vào:					
Các công ty con					
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô (SAIGON FORD)	52,05%	52,05%	44.763.000.000	(*)	-
• Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng (TGP)	51%	51%	9.248.504.000	(*)	-
• Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn (YAMAHA Cần Thơ)	88,12%	88,12%	7.102.684.814	(*)	-
• Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	59,62%	59,62%	9.012.515.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	70%	70%	56.000.000.000	(*)	-
• Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	51%	51%	25.309.668.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	98%	98%	82.320.000.000	(*)	(3.401.208.259)
• Công ty Cổ phần OtoS (a)	80,33%	80,33%	10.040.660.000	(*)	(10.040.660.000)
• Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng (b)	70%	70%	27.930.000.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long	84,17%	84,17%	10.100.000.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	80%	80%	16.000.000.000	(*)	(7.182.471.289)
• Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh	90%	90%	18.000.000.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu (c)	51%	51%	25.500.000.000	(*)	(2.285.787.129)
			341.327.031.814		(22.910.126.677)

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Ngày 31 tháng 12 năm 2017	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Công ty liên kết					
• Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi	40,03%	40,03%	31.750.000.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC) (d)	30,03%	30,03%	29.106.059.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương (e)	27,50%	27,50%	13.750.000.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam (f)	43,80%	43,80%	17.520.000.000	(*)	-
• Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt (g)	35%	35%	16.925.119.945	(*)	-
• Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	32%	32%	19.200.000.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Đầu tư Savico (h)	40%	40%	64.000.000.000	(*)	-
			<hr/>		<hr/>
			192.251.178.945		-
			<hr/>		<hr/>
			533.578.210.759		(22.910.126.677)
			<hr/>		<hr/>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Ngày 1 tháng 1 năm 2017	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư góp vốn vào:					
Các công ty con					
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô (SAIGON FORD)	52,05%	52,05%	44.763.000.000	(*)	-
• Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng (TGP)	51%	51%	9.248.504.000	(*)	-
• Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn (YAMAHA Cần Thơ)	88,12%	88,12%	7.102.684.814	(*)	-
• Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	59,62%	59,62%	9.012.515.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	70%	70%	56.000.000.000	(*)	-
• Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	51%	51%	25.309.668.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	98%	98%	82.320.000.000	(*)	(2.425.386.950)
• Công ty Cổ phần OtoS	77,07%	77,07%	7.976.400.000	(*)	(6.693.209.252)
• Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng	70%	70%	21.000.000.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long	84,17%	84,17%	10.100.000.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	80%	80%	16.000.000.000	(*)	(5.613.024.180)
• Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh	90%	90%	18.000.000.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu	93%	93%	46.500.000.000	(*)	(1.513.677.890)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Savico	99,50%	99,50%	119.400.000.000	(*)	-
			472.732.771.814		(16.245.298.272)

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Ngày 1 tháng 1 năm 2017	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Các công ty liên kết					
• Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi	40,03%	40,03%	31.750.000.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	35,16%	35,16%	16.798.709.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	27,50%	27,50%	8.250.000.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	43,80%	43,80%	10.950.000.000	(*)	-
• Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	51%	51%	30.600.000.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	32%	32%	19.200.000.000	(*)	-
			<hr/>		<hr/>
			117.548.709.000		-
			<hr/>		<hr/>
			590.281.480.814		(16.245.298.272)
			<hr/> <hr/>		<hr/> <hr/>

(*) Tại ngày báo cáo, không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (a) Tại ngày 13 tháng 6 năm 2017, Công ty đã mua thêm 3,26% cổ phần của Công ty Cổ phần OtoS với giá 2.064 triệu VND và tăng tỷ lệ lợi ích kinh tế từ 77,07% lên 80,33%.
- (b) Tại ngày 14 tháng 11 năm 2017, Công ty đã mua thêm cổ phần với mệnh giá 6.930 triệu VND của Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng. Tại ngày báo cáo, Công ty đã thanh toán đủ cho cổ phần đã mua.
- (c) Tại ngày 1 tháng 10 năm 2017, Công ty đã chuyển nhượng 42% cổ phần của Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu cho các cổ đông cá nhân với giá 21.000 triệu VND nhưng vẫn nắm quyền kiểm soát khoản đầu tư này. Không có khoản lãi hay lỗ phát sinh từ việc thanh lý này.
- (d) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty đã mua thêm cổ phần với mệnh giá 12.307 triệu VND của Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC). Tại ngày báo cáo, Công ty đã thanh toán đủ cho cổ phần đã mua.
- (e) Tại ngày 26 tháng 11 năm 2017, Công ty đã mua thêm cổ phần với mệnh giá 5.500 triệu VND của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương. Tại ngày báo cáo, Công ty đã thanh toán đủ cho cổ phần đã mua.
- (f) Tại ngày 18 tháng 4 năm 2017, Công ty đã mua thêm cổ phần với mệnh giá 6.570 triệu VND của Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam. Tại ngày báo cáo, Công ty đã thanh toán đủ cho cổ phần đã mua.
- (g) Tại ngày 30 tháng 10 năm 2017, Công ty đã chuyển nhượng 31% cổ phần trong Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt cho Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Nguyễn Bình theo mệnh giá và mua thêm 15% cổ phần của Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt với giá 4.925 triệu VND và tăng tỷ lệ phần trăm lợi ích kinh tế từ 20% lên 35%.
- (h) Tại ngày 1 tháng 3 năm 2017, Công ty đã chuyển nhượng 60% cổ phần trong Công ty Cổ phần Đầu tư Savico tương đương 72.000 triệu VND cho Công ty Cổ phần Đầu tư Nguyễn Nguyễn Group, một bên thứ ba với giá 63.600 triệu VND và không còn nắm quyền kiểm soát khoản đầu tư này. Lỗ do thanh lý khoản đầu tư này là 8.400 triệu VND được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 và ngày 1 tháng 11 năm 2017, Công ty đã mua thêm cổ phần với mệnh giá 16.600 triệu VND của Công ty Cổ phần Đầu tư Savico. Tại ngày báo cáo, Công ty đã thanh toán đủ cho cổ phần đã mua.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thông tin trích lược từ bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty liên kết như sau:

	Tổng tài sản tại ngày 31/12/2017 VND	Tổng nợ phải trả tại ngày 31/12/2017 VND	Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2017 VND	Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế 2017 VND
Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi	92.606.460.284	5.520.942.938	87.085.517.346	235.064.305
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	482.681.351.597	247.931.698.423	234.749.653.174	16.313.238.600
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	90.547.690.235	56.083.780.086	34.463.910.149	4.416.432.199
Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	67.216.509.232	17.624.063.937	49.592.445.295	3.468.350.996
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	213.655.108.515	153.633.488.139	60.021.620.376	21.618.133
Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	194.109.835.745	133.557.619.073	60.552.216.672	5.962.544.045
Công ty Cổ phần Đầu tư Savico	166.214.492.012	6.393.470.400	159.821.021.612	(164.026.405)
	Tổng tài sản tại ngày 1/1/2017 VND	Tổng nợ phải trả tại ngày 1/1/2017 VND	Vốn chủ sở hữu tại ngày 1/1/2017 VND	Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế 2016 VND
Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi	94.307.507.319	7.457.054.278	86.850.453.041	3.289.018.453
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	386.671.696.197	212.659.557.052	174.012.139.145	34.910.625.321
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	108.126.340.960	76.428.863.010	31.697.477.950	3.637.913.333
Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	126.000.242.828	94.876.158.648	31.124.084.180	5.140.525.341
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	212.891.374.170	129.556.683.927	83.334.690.243	8.364.354.364
Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	117.550.433.796	62.960.895.169	54.589.538.627	(5.410.461.373)

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	16.245.298.272	6.012.671.045
Tăng dự phòng trong năm	8.575.874.866	12.527.186.383
Dự phòng sử dụng trong năm	-	(427.373.896)
Hoàn nhập	(1.911.046.461)	(1.867.185.260)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	22.910.126.677	16.245.298.272

7. Phải thu khách hàng

Phải thu khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty Cổ phần Vạn Vạn An	11.392.744.882	13.226.866.859
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô – công ty con	1.914.270.429	-
Các khách hàng thuê nhà kho	230.126.023	476.454.667
Các khách hàng khác	278.279.303	775.791.982
	<hr/>	<hr/>
	13.815.420.637	14.479.113.508

8. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện các khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn với lãi suất năm từ 6,50% đến 7%/năm (2016: lãi suất dao động từ 6,50% đến 7% một năm).

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Các khoản chi hộ	-	1.659.591.403
Góp vốn hộ các nhà đầu tư khác vào các công ty con	5.680.000.000	6.280.000.000
Tạm ứng cho người lao động	3.419.461.000	3.047.840.000
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.986.595.038	3.717.441.569
	14.086.056.038	14.704.872.972
	14.086.056.038	14.704.872.972

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Phải thu từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	113.409.741.568	113.406.731.568
Đặt cọc dài hạn	25.521.056.100	1.120.500.000
Các khoản phải thu dài hạn khác	4.345.621.247	4.345.621.247
	143.276.418.915	118.872.852.815
	143.276.418.915	118.872.852.815

(*) Các khoản phải thu này liên quan đến một hợp đồng hợp tác kinh doanh bất động sản với các đối tác.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Hàng tồn kho

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Vật liệu	9.016.569	-	101.336.107	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	92.651.811.869	-	93.269.445.721	(21.975.574.661)
Hàng hóa	47.879.333	-	78.316.044	-
	92.708.707.771	-	93.449.097.872	(21.975.574.661)

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang phản ánh các dự án bất động sản nhà ở.

Biến động của các khoản dự phòng phải thu dài hạn khó đòi trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	21.975.574.661	21.975.574.661
Hoàn nhập	(21.975.574.661)	
Số dư cuối năm	-	21.975.574.661

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	2.157.957.854	3.026.363.434	5.289.426.233	10.473.747.521
Tăng trong năm	-	39.600.000	-	39.600.000
Thanh lý	-	(377.927.800)	(152.833.233)	(530.761.033)
Số dư cuối năm	2.157.957.854	2.688.035.634	5.136.593.000	9.982.586.488
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	1.787.608.760	2.702.945.398	2.878.286.885	7.368.841.043
Khấu hao trong năm	47.827.008	188.850.039	611.054.934	847.731.981
Thanh lý	-	(377.927.800)	(152.833.233)	(530.761.033)
Số dư cuối năm	1.835.435.768	2.513.867.637	3.336.508.586	7.685.811.991
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	370.349.094	323.418.036	2.411.139.348	3.104.906.478
Số dư cuối năm	322.522.086	174.167.997	1.800.084.414	2.296.774.497

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 3.882 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 4.260 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

12. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	785.870.000
Tăng trong năm	51.000.000
	<hr/>
Số dư cuối năm	836.870.000
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	570.889.023
Khấu hao trong năm	132.137.444
	<hr/>
Số dư cuối năm	703.026.467
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	214.980.977
Số dư cuối năm	133.843.533
	<hr/> <hr/>

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 436 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 436 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	5.107.878.273	85.658.431.095	90.766.309.368
Tăng trong năm	-	73.755.483.552	73.755.483.552
<hr/>			
Số dư cuối năm	5.107.878.273	159.413.914.647	164.521.792.920
<hr/>			
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	35.603.837.643	35.603.837.643
Khấu hao trong năm	-	3.688.238.678	3.688.238.678
<hr/>			
Số dư cuối năm		39.292.076.321	39.292.076.321
<hr/>			
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	5.107.878.273	50.054.593.452	55.162.471.725
Số dư cuối năm	5.107.878.273	120.121.838.326	125.229.716.599
<hr/> <hr/>			

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm các tòa nhà và quyền sử dụng đất cho thuê tạo thu nhập.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Trong bất động sản đầu tư có các tài sản với nguyên giá là 8.748 triệu VND đã được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 8.748 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	2017	2016
	VND	VND
Số dư đầu năm	37.548.224.793	77.531.507.069
Tăng trong năm	283.522.062.884	30.109.278.718
Chuyển sang hàng tồn kho	(57.543.338.423)	(56.793.573.710)
Chuyển sang đầu tư vào công ty con	-	(12.485.082.563)
Xóa sổ	-	(813.904.721)
	263.526.949.254	37.548.224.793

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Dự án 104 Phố Quang	263.154.634.444	37.264.371.710
Dự án Hồ Tràm, Xuyên Mộc	243.853.083	243.853.083
Khác	128.461.727	40.000.000
	263.526.949.254	37.548.224.793

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Phải trả người bán

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Kiến trúc Đông Nhân	-	-	1.454.623.571	1.454.623.571
Công ty TNHH Thiết kế In ấn Quảng cáo PI	-	-	367.309.800	367.309.800
Công ty TNHH Hoa Sen Việt	324.093.650	324.093.650	234.356.470	234.356.470
Các nhà cung cấp khác	-	-	230.189.176	230.189.176
	324.093.650	324.093.650	2.286.479.017	2.286.479.017

16. Người mua trả tiền trước

Người mua trả tiền trước chủ yếu gồm các khoản ứng trước từ các khách hàng, phần lớn để chuyển nhượng vốn cổ phần trong một công ty con và để mua quyền sử dụng đất của các dự án bất động sản.

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Bà Nguyễn Thị Phi Nga	10.000.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thành Phố Xanh	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Vạn Thịnh Phát	3.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Nguyễn Nguyễn	-	10.000.000.000
Khác	147.958.448	150.978.603
	17.147.958.448	16.150.978.603

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã cân trừ trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	30/6/2017 VND
Thuế					
Thuế giá trị gia tăng	13.040.691.296	11.304.011.120	(5.934.909.767)	(15.956.353.182)	2.453.439.467
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.462.378.753	4.031.224.651	-	(9.089.549.940)	2.404.053.464
Thuế thu nhập cá nhân	915.477.183	1.857.214.172	-	(1.891.171.632)	881.519.723
Các khoản phải nộp khác					
Thuế đất	-	289.552.671.347	-	(289.552.671.347)	-
Các khoản phải nộp khác	1.642.001.227	501.000.000	-	(1.889.791.465)	253.209.762
	23.060.548.459	307.246.121.290	(5.934.909.767)	(318.379.537.566)	5.992.222.416

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	8.983.000.000	8.983.000.000
Chi phí xây dựng	4.757.890.171	998.774.990
Chi phí lãi vay	32.257.534	36.907.196
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	3.223.043.200	301.950.760
	16.996.190.905	10.320.632.946

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Cổ tức phải trả	162.239.925	159.883.505
Phải trả đối tác của một dự án bất động sản (a)	338.409.629.546	86.070.042.873
Phải trả một bên liên quan (b)	5.749.000.000	21.031.235.848
Góp vốn nhận được từ các khách hàng của Dự án Dân cư Tam Bình	36.686.014.014	48.784.436.509
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	7.398.279.834	7.547.524.987
	432.160.646.871	163.593.123.722
	432.160.646.871	163.593.123.722

- (a) Phải trả một bên của một dự án bất động sản thể hiện khoản trả trước từ đối tác này theo Thỏa thuận Hợp tác ngày 10 tháng 7 năm 2014 cho dự án tại 104 Phố Quang.
- (b) Phải trả một bên liên quan thể hiện khoản trả trước từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô (SAIGON FORD), một công ty con, theo Thỏa thuận Hợp tác ký ngày 1 tháng 11 năm 2014 cho dự án khác tại 104 Phố Quang.

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Các khoản nhận ký quỹ dài hạn	16.371.951.584	32.377.725.500
Các khoản phải trả dài hạn khác (*)	24.239.513.834	24.239.513.834
	40.611.465.418	56.617.239.334
	40.611.465.418	56.617.239.334

- (*) Các khoản phải trả dài hạn khác, không chịu lãi, thể hiện số tiền nhận được từ các đối tác của các hợp đồng hợp tác kinh doanh tham gia vào các Dự án Bất động sản Bình An của Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

20. Vay ngắn hạn

	1/1/2017		Biến động trong năm		31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	36.907.195.770	36.907.195.770	30.689.432.822	(38.596.628.592)	29.000.000.000	29.000.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương (Vietinbank)	VND	6%	29.000.000.000	36.907.195.770

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Số dư đầu năm	15.839.427.493	10.217.742.854
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm (Thuyết minh 22)	1.228.841.805	11.476.061.084
Hoàn nhập vào lợi nhuận chưa phân phối (Thuyết minh 22)	(3.000.000.000)	-
Sử dụng trong năm	(5.941.205.485)	(5.854.376.445)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	8.127.063.813	15.839.427.493

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	24.938.303.806	79.800.501.308	671.068.919.059
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	65.598.278.672	65.598.278.672
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(11.476.061.084)	(11.476.061.084)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	(34.965.709.800)	(34.965.709.800)
Trích quỹ hoạt động cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	24.938.303.806	95.957.009.096	687.225.426.847
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	52.958.294.515	52.958.294.515
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	(1.228.841.805)	(1.228.841.805)
Hoàn nhập vào lợi nhuận chưa phân phối (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	(29.970.608.400)	(29.970.608.400)
Trích quỹ hoạt động cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(2.398.245.715)	(2.398.245.715)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	24.938.303.806	118.317.607.691	709.586.025.442

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Cổ phiếu phổ thông được phép lưu hành	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu quỹ	(20.066)	(690.474.358)	(20.066)	(690.474.358)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	24.975.507	249.265.255.642	24.975.507	249.265.255.642

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị treo cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

24. Cổ tức

Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 đã quyết định chia cổ tức 29.971 triệu VND (2016: 34.966 triệu VND), bằng 12% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm chia cổ tức.

25. Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Trong vòng một năm	12.579.634.560	40.998.140.178
Từ hai đến năm năm	103.611.701.600	109.315.226.415
Trên năm năm	7.993.205.710	3.580.059.935
	<hr/>	<hr/>
	124.184.541.870	153.893.426.528
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2017	2016
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Chuyển nhượng bất động sản	87.117.024.063	172.101.809.891
▪ Bán hàng hóa	3.442.250.695	3.847.572.977
▪ Cung cấp dịch vụ	19.313.193.173	19.648.210.448
▪ Doanh thu cho thuê	44.324.515.436	42.717.098.959
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	154.196.983.367	238.314.692.275
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Giá vốn hàng bán

	2017	2016
	VND	VND
Giá trị còn lại của bất động sản đã chuyển nhượng	67.248.356.179	120.921.356.894
Hàng hóa đã bán	2.881.778.217	3.270.347.561
Dịch vụ đã cung cấp	5.066.525.419	4.644.472.257
Dịch vụ cho thuê	20.906.413.974	19.749.488.777
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho – bất động sản	(21.975.574.661)	-
	74.127.499.128	148.585.665.489
	74.127.499.128	148.585.665.489

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017	2016
	VND	VND
Cổ tức	35.171.676.685	29.067.236.664
Thu nhập lãi tiền cho vay	367.940.111	4.908.025.277
Thu nhập lãi tiền gửi	2.292.486.918	1.608.361.803
Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán	35.000.000	1.252.300.644
	37.867.103.714	36.835.924.388
	37.867.103.714	36.835.924.388

30. Chi phí tài chính

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	3.628.791.313	2.872.351.126
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư	8.400.000.000	132.626.104
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	10.659.360.405	8.750.715.564
Chi phí kinh doanh chứng khoán	2.120.000	51.531.412
Lỗ từ kinh doanh chứng khoán	-	1.888.650.244
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	15.964.137
	22.690.271.718	13.711.838.587
	22.690.271.718	13.711.838.587

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên	13.848.392.266	20.389.232.614
Chi phí khấu hao	671.707.715	793.349.639
Chi phí tiếp khách và hội nghị khách hàng	7.167.084.427	3.303.041.926
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.212.778.380	6.147.703.580
Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.234.065.756	3.537.105.792
	36.134.028.544	34.170.433.551
	36.134.028.544	34.170.433.551

32. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí mua bất động sản để chuyển nhượng	45.272.781.518	120.921.356.894
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	2.881.778.217	3.270.347.561
Chi phí nhân công và nhân viên	16.356.303.374	22.727.431.441
Chi phí khấu hao và phân bổ	4.668.108.103	7.000.463.333
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.829.199.978	22.735.490.926
Các chi phí khác	13.713.185.477	8.599.513.896
	137.732.006.667	283.258.104.051
	137.732.006.667	283.258.104.051

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong bảng cân đối kế toán

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chi phí phải trả	2.435.208.639	1.903.989.999
Giá trị thuế của các khoản lỗ mang sang	-	948.085.753
	2.435.208.639	2.852.075.752
	2.435.208.639	2.852.075.752

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	4.031.224.651	10.438.682.586
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	11.875.397
	4.031.224.651	10.450.557.983
Chi phí/(lợi ích) thuế hoãn lại		
Hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(531.218.640)	-
Lợi ích của lỗ tính thuế đã sử dụng/(được ghi nhận)	948.085.753	(948.085.753)
	416.867.113	(948.085.753)
Chi phí thuế thu nhập	4.448.091.764	9.502.472.230

(c) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017	2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	57.406.386.279	75.100.750.902
Thuế theo thuế suất thuế thu nhập áp dụng cho Công ty	11.481.277.256	15.020.150.180
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.149.845	283.893.986
Thu nhập không chịu thuế	(7.034.335.337)	(5.813.447.333)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	11.875.397
	4.448.091.764	9.502.472.230

(d) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế (2016:20%).

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các bên liên quan

Công ty có mối quan hệ liên quan với các cổ đông lớn, các công ty con, công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt..

Giao dịch với các cán bộ quản lý chủ chốt

Tổng lương, thù lao và công tác phí cho các cán bộ quản lý chủ chốt như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Thành viên Hội đồng Quản trị	2.184.000.000	2.061.138.000
Thành viên Ban Tổng Giám đốc	438.680.000	542.862.000
Thành viên Ban Kiểm soát	613.200.000	502.500.000
	3.235.880.000	3.106.500.000
	3.235.880.000	3.106.500.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan khác trong năm như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Tính chất giao dịch	2017	2016
			VND	VND
Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	Công ty con	Cổ tức	1.341.480.000	1.788.640.000
		Cho công ty con vay	4.000.000.000	3.000.000.000
		Doanh thu tài chính khác	21.777.778	16.333.333
		Thu nhập khác	106.883.455	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô (SAIGON FORD)	Công ty con	Tiền thuê tính cho công ty con	4.279.317.750	4.936.958.254
		Thu nhập khác	1.123.966.120	813.904.721
		Cổ tức	5.371.560.000	4.996.800.000
		Góp vốn	-	11.451.000.000
Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	Công ty con	Tiền thuê tính cho công ty con	-	52.053.333.304
		Cổ tức	12.833.849.738	-
		Thu nhập khác	73.229.353	-
Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Công ty con	Doanh thu tài chính khác	-	4.553.125.000
		Thu nhập khác	66.683.899	-

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Bên liên quan	Quan hệ	Tính chất giao dịch	2017 VND	2016 VND
Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng (TGP)	Công ty con	Cổ tức Thu nhập khác	- 61.229.500	12.549.478.721 -
Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng	Công ty con	Góp vốn Cổ tức Cho công ty con vay Thu nhập tài chính khác Thu nhập khác	6.930.000.000 - - 114.166.667 133.789.336	- 2.609.755.143 5.000.000.000 63.333.333 -
Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	Công ty con	Cho công ty con vay Thu nhập tài chính khác	1.077.878.732 -	1.225.064.000 12.916.944
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn (YAMAHA Cần Thơ)	Công ty con	Cổ tức Cho công ty con vay Thu nhập tài chính khác Thu nhập khác	1.350.000.000 3.000.000.000 14.496.000 41.636.364	1.012.500.000 1.200.000.000 51.733.334 -
Công ty Cổ phần OtoS	Công ty con	Góp vốn Thu nhập khác	2.064.260.000 82.521.267	2.658.800.000 -
Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	Công ty con	Góp vốn Cho công ty con vay Thu nhập tài chính khác Thu nhập khác	- 17.500.000.000 - 28.236.364	700.000.000 10.000.000.000 201.250.000 -
Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh	Công ty con	Thu nhập khác	138.242.091	-
Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu	Công ty con	Góp vốn Thu nhập khác	- 66.655.636	10.500.000.000 -
Công ty Cổ phần Đầu tư Savico	Công ty liên kết	Góp vốn Cho công ty liên kết vay Mua dịch vụ Thu nhập tài chính khác	16.600.000.000 10.000.000.000 1.188.927.266 92.083.333	119.400.000.000 - - -
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	Công ty liên kết	Góp vốn Cổ tức	12.307.350.000 4.114.170.000	- 3.085.627.500

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bên liên quan	Quan hệ	Tính chất giao dịch	2017 VND	2016 VND
Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	Công ty liên kết	Góp vốn	6.570.000.000	-
		Cho công ty liên kết vay	-	3.000.000.000
		Thu nhập tài chính khác	40.833.333	-
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	Công ty liên kết	Góp vốn	4.925.119.945	-
		Cổ tức	11.900.691.000	-
		Cho công ty liên kết vay	15.000.000.000	-
		Thu nhập tài chính khác	84.583.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	Công ty liên kết	Góp vốn	5.500.000.000	-
		Cổ tức	453.750.000	-
Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	Công ty liên kết	Góp vốn	-	30.200.000.000
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Bến Thành	Cổ đông	Chuyển nhượng đầu tư	-	12.000.000.000

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	2017 VND	2016 VND
Mua bất động sản đầu tư chưa thanh toán	43.755.483.552	-
Cần trừ phải thu do thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con với các khoản tạm ứng từ khách hàng	10.000.000.000	-
Cần trừ các khoản đầu tư vào công ty liên kết được mua lại với phải thu về cho vay ngắn hạn	9.800.000.000	-
Cần trừ thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết với các khoản phải trả dài hạn khác	18.600.000.000	
Cần trừ khoản đầu tư vào các công ty liên kết được mua lại bằng các khoản phải thu ngắn hạn khác	800.000.000	
Cần trừ các khoản phải thu khách hàng với khoản phải thu về cho vay ngắn hạn	200.000.000	-
Cần trừ phải thu ngắn hạn của khách hàng với phải trả dài hạn khác liên quan đến chuyển nhượng bất động sản	-	81.002.654.520
Đầu tư vào công ty con bằng tài sản cố định hữu hình	-	855.158.177
Đầu tư vào công ty con bằng tài sản cố định vô hình	-	48.420.707.683
Đầu tư vào công ty con bằng bất động sản đầu tư	-	57.306.554.900
Đầu tư vào công ty con bằng xây dựng cơ bản dở dang	-	12.485.082.563

Ngày 20 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Ngô Văn Danh
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Việt Hà
 Tổng Giám đốc

